

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HS-ST

Ngày 22-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Hiền

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2006 tại Quảng Bình. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Mỹ Cảnh, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim L; vợ, con: Chưa có

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự

Ngày 23/02/2023, bị Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 1.250.000 đồng về hành vi “Lãng mạ, bôi nhọ, xúc phạm nhân phẩm người khác”.

Nhân thân:

+ Ngày 11/9/2020, bị Công an thành phố Đ xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “ Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 05/4/2024, bị Công an thành phố Đ xử phạt hành chính bằng hình thức Phạt tiền về hành vi “ Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã B, thành phố Đ từ ngày 06/02/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:* Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1972; Nơi ĐHKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Mỹ Cảnh, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, là mẹ đẻ của Toàn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Hương T - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ: Số 117 đường Lý Thường Kiệt, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Đồng Phú, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

2. Anh Hoàng Minh Q, sinh ngày: 16/5/2006 ; địa chỉ: Tổ dân phố 8, Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình, vắng mặt;

- *Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Minh Q:* Ông Hoàng Văn Ng, sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, là bố đẻ của Quân, vắng mặt;

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Đăng N, sinh ngày: 15/11/2009 ; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Xuân, phường Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình; nơi ở hiện nay: Thôn Tân Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Đăng N:* Bà Lê Thị Diễm P, sinh năm: 1995; địa chỉ: Thôn Giao Tế, xã Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình, là dì ruột của Nhật; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Phi H, sinh ngày: 09/3/2008; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Phi H:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Bắc Lý, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, là mẹ đẻ của Hùng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Anh Lê Thế Đăng K, sinh ngày: 23/02/2008 ; địa chỉ: Thôn Lương Yên, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của anh Lê Thế Đăng K:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Lương Yên, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, là mẹ đẻ của Khôi; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn Lương Yên, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

5. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1969 ; địa chỉ: Thuận Ninh, Thuận Đức, Đồng Hới,

Quảng Bình; vắng mặt.

6. Anh Dương Quốc N, sinh năm: 1983 ; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Bắc Lý, thành phố Đồng, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

7. Anh Phan Hồng S sinh năm: 1976 ; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

8. Anh Hà Mạnh L; địa chỉ: Tổ dân phố 1, Đồng Phú, Đồng Hới, Quảng Bình; vắng mặt.

9. Ông Hoàng Văn Ng; địa chỉ: Tổ dân phố 8, Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 10/2023, Nguyễn Văn T, Lê Thế Đăng K, sinh năm 2008, trú tại thôn Lương Yên, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; Nguyễn Đăng Nhật, sinh năm 2009, trú tại tổ dân phố 2, Phương Xuân, phường Bắc Nghĩa và Nguyễn Phi Hùng, sinh năm 2008, trú tại tổ dân phố 7, phường Bắc Lý, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố Đ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/10/2023, Nguyễn Văn T rủ Lê Thế Đăng K, Nguyễn Đăng N đi tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khôi điều khiển xe máy hiệu SIRIUS, màu đen, BKS 73N7-5828 của ông Lê Thế Liêm chở Toàn và Nhật đi trên các tuyến đường thuộc địa phận thành phố Đ, khi đi đến nhà số 14, ngõ 110 đường Trần Quý Cáp, thuộc tổ dân phố 3, phường Đồng Phú thì phát hiện xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen bạc, BKS 73N7-9414 của chị Trần Thị Bích H (xe của Hà Mạnh Linh -chồng) đang dựng bên đường. Khôi dừng xe cùng Nhật đứng cạnh giới, còn Toàn xuống đi bộ đến lấy trộm xe mô tô nói trên rồi ngồi trên xe còn Khôi điều khiển xe mô tô BKS 73N7-5828 chở Nhật ngồi sau đẩy Toàn đến một khu đất trống gần đó. Nhật và Khôi dùng cờ lê chuẩn bị sẵn tháo biển số xe 73N7-9414 rồi vớt cờ lê và biển số vào bụi cây. Đến 14 giờ cùng ngày, cả ba đem xe đến tiệm sửa khóa tại khu vực chợ ga để cắt chìa khoá mới, rồi Toàn điều khiển xe vừa trộm được về nhà cất giấu. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Toàn đưa xe mô tô trộm được đến bán cho anh Nguyễn Văn Huân ở thôn Lương Yên, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh lấy số tiền 1.800.000 đồng, Toàn và Khôi chia nhau mỗi người 900.000 đồng rồi tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL - HDDG ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, số máy 172424, số khung 172424, BKS 73N7 - 9414 trị giá 3.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, số máy 172424, số khung 172424, BKS 73N7 - 9414 cho chị Trần Thị Bích H. Gia đình Nguyễn Văn T đã hỗ trợ tiền sửa chữa hư hỏng xe BKS 73N7 - 9414, chị Trần Thị Bích H không có yêu cầu bồi thường, có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 11/10/2023, Nguyễn Văn T tiếp tục đi bộ đến ngã ba Bắc Lý thì gặp Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 09/3/2008 trú TDP7, phường Bắc Lý điều khiển xe SIRIUS, BKS 73B1-156.04 (xe mượn của ông Nguyễn Thanh Sơn, bố Hùng) chở Nguyễn Đăng Nhân xin đi cùng. Hùng chở Toàn và Nhật, trên đường đi Toàn nói với Hùng và Nhật “Bây đi đến quán nét VENOM lấy xe với tau hè”, sau đó cả ba đi đến quán điện tử VENOM ở số 92 Nguyễn Thái Học, thuộc TDP11, phường Nam Lý để chơi. Khi đến trước quán VENOM, Toàn nói Hùng và Nhật “Hai thằng bây đứng ngoài đợi đây cái xe này cái”, Toàn phát hiện xe máy điện hiệu XMAN, màu đỏ đen của em Hoàng Minh Quân (xe bố Quân mua) dựng ở ngoài sân, không có người trông giữ nên dắt trộm xe rồi nói Hùng và Nhật đẩy xe đi. Trên đường đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ Toàn nói với Hùng và Nhật xe trên do mình lấy trộm, sau đó Nhật điều khiển xe mô tô chở Hùng đẩy Toàn ngồi trên xe máy điện đến quán thu mua phế liệu của chị Lê Thị Luyến ở thôn Thuận Ninh, xã Thuận Đức để bán nhưng bán không được nên Toàn đem về nhà cất giấu. Cơ quan điều tra đã thu giữ xe máy điện tại nhà Toàn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe máy điện hiệu XMAN, màu đen đỏ, số máy 00w160501785, số khung EMTAGS002921, đã qua sử dụng, trị giá 4.960.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại 01 xe máy điện hiệu XMAN, màu đen đỏ, số máy 00W160501785, số khung EMTAGS00292, đã qua sử dụng cho Hoàng Minh Quân. Gia đình Nguyễn Văn T đã hỗ trợ anh Quân sửa chữa hư hỏng xe, anh Quân không yêu cầu bồi thường, có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 44/CT-VKSĐH-KT ngày 03/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Toàn khai nhận đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 9 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên khi lượng hình đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động gia đình để khắc phục hậu quả, được các bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố đau ốm thường xuyên, bị cáo là con lớn trong gia đình, gánh vác nhiều công việc, trọng trách cho gia đình. Khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi đề nghị HĐXX áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo vừa cải tạo vừa gánh vác công việc trong gia đình cùng với bố mẹ.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo nhất trí với lời bày trình của người bào chữa, không bổ sung gì.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp không nhất trí đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn theo mức án đã nêu trong quan điểm luận tội.

Hội đồng xét xử đề nghị bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án nhưng bị cáo không trình bày nội dung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên những hành vi, quyết định đã thực hiện là hợp pháp.

- Về sự có mặt của người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, bị hại, người đại diện của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy quyền lợi của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được giải quyết trong giai đoạn điều tra, hồ sơ vụ án cũng đã có đầy đủ lời khai của những người này, tại phiên tòa nếu xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố. Việc những người tham gia tố tụng này vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật TTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với vật chứng bị thu giữ, Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để khẳng định: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác, trong khoảng thời gian vào tháng 10 năm 2023, Nguyễn Văn T đã rủ rê Lê Thế Đăng K, sinh năm 2008; Nguyễn Đăng Nhật, sinh năm 2009 và Nguyễn Phi Hùng, sinh năm 2008 đã có 02 lần cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Lần thứ nhất trộm cắp 01 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, số máy 172424, số khung 172424, BKS 73N7 – 9414 của chị Trần Thị Bích H, trị giá 3.000.000 đồng; lần thứ hai trộm cắp 01 xe máy điện hiệu XMAN, màu đen đỏ, số máy 00w160501785, số khung EMTAGS002921 của anh Hoàng Minh Quân, trị giá 4.960.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo Toàn và liên quan khác chiếm đoạt là 7.960.000 đồng. Theo giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố và xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Trong vụ án gồm có 04 người cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chỉ có Nguyễn Văn T đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và cũng là bị cáo đóng vai trò rủ rê, khởi xướng việc trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và rủ rê những người khác cùng thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn cho nhu cầu tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án. Tuy nhiên, trước khi

quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng tách nhiệm hình sự:

Bị cáo có hai lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” và những lần này bị cáo đều có hành vi rủ rê, xúi giục người khác cùng thực hiện hành vi trộm cắp mà những người này đều là người chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, bị cáo bị HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g và “Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra và được các bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang có 01 tiền sự và trước đó bị cáo cũng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” vào năm 2020. Ngày 05/4/2024, bị cáo tiếp tục bị xử phạt vi phạm hành chính về cùng hành vi “Trộm cắp tài sản”. Do đó, bị cáo được xác định là người có nhân thân xấu.

- Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung. Mặt khác khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nên HĐXX áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để tạo cơ hội cho bị cáo sớm trở về với gia đình và cộng đồng xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Khi bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

[4]. Các vấn đề liên quan trong vụ án khác

- Đối với Lê Thế Đăng K, Nguyễn Đăng N và Nguyễn Phi Hùng là những người đã cùng với bị cáo Toàn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp các tài sản, những người này chưa đủ tuổi chịu tách nhiệm hình sự. Lê Thế Đăng K và Nguyễn Phi Hùng đã bị xử phạt vi phạm hành chính, Nguyễn Đăng N chưa đủ 14 tuổi nên không xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, ngày 08/10/2023 Nguyễn Văn T, Lê Thế Đăng K còn có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô hiệu LONCIN 73K2-8447, trị giá 350.000 đồng rồi đem bán cho Lê Thị Luyến được 600.000 đồng, ngày 05/4/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.250.000 đồng đối với Nguyễn Văn T về hành vi Trộm cắp tài sản.

Trong vụ án này, bà Lê Thị Luyện, ông Nguyễn Văn Huân là nhưng người mua tài sản do Toàn trộm cắp mà có nhưng không biết nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

- Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã xác định đúng chủ sở hữu của tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, đã quyết định xử lý trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Xét việc xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra như trên là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, gia đình bị cáo đã bồi thường các khoản thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi liên quan trong vụ án, hiện các đương sự này không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận; xét đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa về việc đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên không chấp nhận.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND, Công an thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Hạnh